

BỘ NỘI VỤ

DỰ THẢO ĐỀ CƯƠNG LUẬT THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về các nguyên tắc thực hiện dân chủ, nội dung thông tin và hoạt động phải công khai, hình thức thực hiện dân chủ; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc bảo đảm thực hiện dân chủ ở chính quyền xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là *chính quyền cấp xã*).

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Thực hiện dân chủ ở cơ sở: Là thực hiện các quy định nhằm bảo đảm quyền của nhân dân được biết, tham gia ý kiến, quyết định, thực hiện và giám sát việc thực hiện hoạt động của chính quyền cấp xã, bảo đảm trách nhiệm của chính quyền cấp xã đối với việc thực hiện các quyền dân chủ của nhân dân địa phương.

Hình thức thực hiện dân chủ: Là công khai các nội dung, thông tin hoạt động và các hình thức khác để nhân dân được biết, được tham gia ý kiến, được quyết định, được kiểm tra, giám sát nhằm tăng cường sự tham gia của Nhân dân vào hoạt động của chính quyền cấp xã.

Thôn, làng, bản, phum, sóc, cụm dân cư (gọi chung là thôn) và tổ dân phố, khu phố, khối phố... (gọi chung là tổ dân phố) là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư có chung địa bàn cư trú trong một khu vực ở cấp xã; nơi thực hiện dân chủ trực tiếp và rộng rãi để phát huy các hình thức hoạt động tự quản, tổ chức nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ cấp trên giao.

Quyết định hành chính bất lợi cho đối tượng thi hành là các quyết định có nội dung: Từ chối việc xác lập, công nhận, chấp thuận, cho phép được hưởng quyền, lợi ích cụ thể; xác lập nghĩa vụ; làm chấm dứt, hạn chế quyền, lợi ích của đối tượng thi hành.

Quyết định hành chính liên quan đến lợi ích công cộng, là quyết định ban hành hoặc phê duyệt chiến lược, chương trình, quy hoạch, kế hoạch, dự án,

đề án có nội dung tác động đến môi trường; sức khỏe của cộng đồng; trật tự, an toàn xã hội và những vấn đề khác làm ảnh hưởng đến lợi ích công cộng.

Điều 3. Các nguyên tắc trong việc thực hiện dân chủ ở cơ sở

1. Bảo đảm trật tự, kỷ cương, trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.
2. Bảo đảm quyền của nhân dân được biết, tham gia ý kiến, quyết định, thực hiện và giám sát việc thực hiện dân chủ ở cơ sở.
3. Bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức, cá nhân.
4. Công khai, minh bạch và tăng trách nhiệm giải trình của chính quyền cấp xã trong quá trình thực hiện dân chủ ở cơ sở.
5. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của nhân dân trong việc thực hiện dân chủ ở cơ sở

1. Trong việc thực hiện quyền dân chủ ở cơ sở, nhân dân có quyền:
 - a) Được cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời.
 - b) Khiếu nại, khởi kiện, tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.
2. Trong việc thực hiện quyền dân chủ ở cơ sở, nhân dân có nghĩa vụ:
 - a) Tuân thủ quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.
 - b) Không xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức hoặc của người khác khi thực hiện quyền dân chủ ở cơ sở.

Điều 5. Trách nhiệm tổ chức thực hiện dân chủ ở cơ sở

1. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm công khai các nội dung thông tin, hoạt động của cơ quan mình; sử dụng đa dạng các hình thức công khai thông tin hoạt động; tăng cường trách nhiệm giải trình với nhân dân, bảo đảm quyền của nhân dân được biết, tham gia ý kiến, quyết định, kiểm tra, giám sát nhằm phát huy trí tuệ của nhân dân, nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền cấp xã.

Trường hợp những nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân cấp xã thì Ủy ban nhân dân thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng nhân dân cấp xã theo quy định tại Luật này.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức thực hiện dân chủ ở cơ sở; cung cấp thông tin bảo đảm kịp thời, chính xác và tạo điều kiện cho nhân dân thực hiện quyền dân chủ trực tiếp.

Điều 6. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Không thực hiện hoặc làm trái các quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở; vi phạm các quy định trong Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Sách nhiễu, gây phiền hà hoặc cản trở, đe dọa, trù dập người dân thực hiện quyền dân chủ.

3. Trù dập người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị có liên quan đến việc thực hiện dân chủ ở cơ sở.

4. Bao che, cản trở hoặc thiếu trách nhiệm trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị có liên quan đến việc thực hiện dân chủ ở cơ sở.

5. Lợi dụng việc thực hiện dân chủ ở cơ sở để xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

6. Sử dụng thông tin được công khai để chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phá hoại chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc, kích động bạo lực.

7. Sử dụng thông tin được công khai nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín, gây kỳ thị về giới, gây thiệt hại về tài sản của cá nhân, cơ quan, tổ chức.

8. Lợi dụng quyền dân chủ để gây rối trật tự công cộng; để xuyên tạc, vu khống, gây thiệt hại cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân.

Điều 7. Giám sát việc bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở

1. Quốc hội giám sát tối cao việc bảo đảm thực hiện dân chủ cơ sở.

2. Hội đồng nhân dân giám sát việc bảo đảm thực hiện dân chủ cơ sở ở địa phương; định kỳ hằng năm, xem xét báo cáo của Ủy ban nhân dân cùng cấp về tình hình thực hiện dân chủ trên địa bàn.

3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội có trách nhiệm giám sát xã hội việc bảo đảm và thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Điều 8. Khiếu nại, khởi kiện, tố cáo

1. Công dân có quyền khiếu nại, khởi kiện đối với chính quyền cấp xã trong việc thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Công dân có quyền tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

3. Khiếu nại, khởi kiện, tố cáo trong việc thực hiện dân chủ ở cơ sở được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo và pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 9. Xử lý vi phạm

1. Người nào có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc nếu vi phạm nghiêm trọng thì có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Người nào có một trong các hành vi quy định tại **Điều 6** của Luật này mà gây thiệt hại thì phải bồi thường thiệt hại, cá nhân có hành vi vi phạm có trách nhiệm hoàn trả theo quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Điều 10. Áp dụng pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở

Luật này áp dụng chung cho việc thực hiện dân chủ ở cơ sở. Trường hợp luật khác có quy định về việc thực hiện dân chủ ở cơ sở mà không trái với các nguyên tắc quy định tại **Điều 3** của Luật này thì được thực hiện theo quy định của luật đó.

CHƯƠNG II

NỘI DUNG THÔNG TIN VÀ HOẠT ĐỘNG PHẢI CÔNG KHAI CHO NHÂN DÂN BIẾT, THAM GIA HOẶC QUYẾT ĐỊNH

Điều 11. Những nội dung thông tin, hoạt động của chính quyền cấp xã cần phải được công khai để nhân dân biết

1. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phương án chuyển dịch cơ cấu kinh tế và dự toán, quyết toán ngân sách hằng năm của cấp xã.

2. Dự án, công trình đầu tư và thứ tự ưu tiên, tiến độ thực hiện, phương án đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định cư liên quan đến dự án, công trình trên địa bàn cấp xã; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết và phương án điều chỉnh, quy hoạch khu dân cư trên địa bàn cấp xã;

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức cấp xã trực tiếp giải quyết các công việc liên quan đến nhân dân; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và sơ đồ tổ chức của các cơ quan, đơn vị, bộ phận của chính quyền cấp xã; thủ tục, quy trình giải quyết công việc của cán bộ, công chức cấp xã; phân công công việc; lịch

làm việc; lịch hẹn; số điện thoại; số fax; địa chỉ email của cán bộ, công chức giải quyết công việc được phân công liên quan đến nhân dân; địa chỉ, trụ sở của cơ quan; địa điểm và người có thẩm quyền giải quyết công việc của công dân.

4. Việc quản lý và sử dụng các loại quỹ, khoản đầu tư, tài trợ theo chương trình, dự án đối với cấp xã; các khoản huy động nhân dân đóng góp ở cấp xã hoặc ở thôn, tổ dân phố.

5. Chủ trương, kế hoạch vay vốn cho nhân dân để phát triển sản xuất, xoá đói, giảm nghèo; phương thức và kết quả bình xét hộ nghèo được vay vốn phát triển sản xuất, trợ cấp xã hội, xây dựng nhà tình thương, cấp thẻ bảo hiểm y tế.

6. Đề án thành lập mới, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính liên quan trực tiếp đến cấp xã.

7. Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc tiêu cực, tham nhũng của cán bộ, công chức cấp xã, của người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; kết quả lấy phiếu tín nhiệm Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch và Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

8. Nội dung và kết quả tiếp thu ý kiến của nhân dân đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của cấp xã mà chính quyền cấp xã đưa ra lấy ý kiến nhân dân theo quy định tại **Điều 14** của Luật này.

9. Đối tượng, mức thu các loại phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính khác do chính quyền cấp xã trực tiếp thu.

10. Các quy định của pháp luật về thủ tục hành chính, giải quyết các công việc liên quan đến nhân dân do chính quyền cấp xã trực tiếp thực hiện.

11. Thông tin mà chính quyền cấp xã nhận được từ các cơ quan nhà nước để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình và thông tin có liên quan đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân.

12. Những nội dung thông tin cần phải công khai theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

13. Những thông tin mà chính quyền cấp xã thấy cần thiết phải công khai để công dân thực hiện quyền, nghĩa vụ và bảo vệ các quyền của công dân; bảo đảm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công dân; bảo đảm thực hiện các quyền dân chủ trực tiếp của nhân dân theo quy định tại Luật này.

Điều 12. Những nội dung thông tin, hoạt động của chính quyền cấp xã cần phải được nhân dân thảo luận và quyết định trực tiếp

Nhân dân bàn và quyết định trực tiếp về chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng trong phạm vi cấp xã, thôn, tổ dân phố do nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí và các công việc khác trong nội bộ cộng đồng dân cư phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 13. Những nội dung thông tin, hoạt động của chính quyền cấp xã cần phải được nhân dân thảo luận và biểu quyết

1. Hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố.
2. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.
3. Bầu, bãi nhiệm thành viên Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

Điều 14. Những nội dung thông tin, hoạt động của chính quyền cấp xã cần phải được nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định

1. Dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cấp xã; phương án chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất; đề án định canh, định cư, vùng kinh tế mới và phương án phát triển ngành nghề của cấp xã.
2. Dự thảo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết và phương án điều chỉnh; việc quản lý, sử dụng quỹ đất của cấp xã.
3. Dự thảo kế hoạch triển khai các chương trình, dự án trên địa bàn cấp xã; chủ trương, phương án đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng, tái định cư; phương án quy hoạch khu dân cư.
4. Dự thảo đề án thành lập mới, nhập, chia tách đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính liên quan trực tiếp đến cấp xã.
5. Những nội dung khác cần phải lấy ý kiến nhân dân theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chính quyền cấp xã thấy cần thiết.

Điều 15. Những nội dung nhân dân giám sát

Nhân dân giám sát việc thực hiện các nội dung quy định tại các **Điều 12, 13 và Điều 14** của Luật này.

CHƯƠNG III

HÌNH THỨC VÀ CÁCH THỨC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ

Điều 16. Các hình thức công khai thông tin tại chính quyền cấp xã

1. Các hình thức công khai thông tin:

a) Niêm yết công khai thông tin tại trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã và các địa điểm khác.

b) Đăng tải thông tin trên Cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã.

c) Công khai thông tin trên hệ thống truyền thanh của cấp xã và các phương tiện thông tin đại chúng.

d) Công khai thông tin thông qua Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để thông báo đến nhân dân.

đ) Thông qua việc lấy ý kiến nhân dân, cơ chế đối thoại, tiếp công dân của Ủy ban nhân dân cấp xã.

e) Các hình thức khác thuận lợi cho công dân do cơ quan có trách nhiệm công khai thông tin xác định.

2. Chính quyền cấp xã có trách nhiệm thực hiện việc cung cấp thông tin theo quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 11 của Luật Phòng, chống tham nhũng và cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân theo quy định tại Chương III Luật Tiếp cận thông tin.

3. Chính quyền cấp xã có thể áp dụng đồng thời nhiều hình thức công khai quy định tại khoản 1 Điều này căn cứ vào tình hình và điều kiện thực tiễn tại địa phương, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã áp dụng hình thức công khai thông tin khác phù hợp với yêu cầu công khai thông tin và tạo thuận lợi cho việc tiếp cận thông tin của nhân dân địa phương.

4. Trường hợp pháp luật có quy định về hình thức công khai đối với thông tin cụ thể thì áp dụng quy định đó. Trường hợp pháp luật không quy định cụ thể hình thức công khai thông tin thì căn cứ vào điều kiện thực tế, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm cung cấp thông tin có thể lựa chọn một hoặc một số hình thức công khai thông tin quy định tại Khoản 1 Điều này, bảo đảm nhân dân tiếp cận thông tin kịp thời, thuận lợi.

5. Đối với đối tượng là người khuyết tật, người sinh sống ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, ngoài các hình thức quy định tại Khoản 1 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hình thức công khai thông tin phù hợp với khả năng, điều kiện tiếp cận thông tin của đối tượng, bao gồm các hình thức sau đây:

a) Xây dựng tài liệu chuyên đề, tờ rơi, ấn phẩm; trong trường hợp cần thiết và khả thi thì có thể được chuyển tải bằng ngôn ngữ dân tộc.

b) Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề, sinh hoạt cộng đồng để chia sẻ thông tin cho công dân; chia sẻ kinh nghiệm về hoạt động cung cấp thông tin cho các khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

c) Lồng ghép hoạt động cung cấp thông tin trong các sự kiện văn hóa - chính trị của cơ quan, địa phương, trong kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, truyền thông các chính sách mới của các cơ quan nhà nước trên địa bàn.

d) Tăng thời lượng truyền, phát bản tin đối với loại thông tin liên quan đến cơ chế, chính sách của người dân sinh sống tại khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

đ) Bố trí cán bộ, công chức hướng dẫn, giải thích cho người yêu cầu cung cấp thông tin; tăng cường cung cấp thông tin và tạo thuận lợi cho công dân tiếp cận thông tin bằng hình ảnh, video và các phương tiện nghe, nhìn khác.

6. Thời điểm công khai thông tin đối với từng lĩnh vực được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan; trường hợp pháp luật chưa có quy định thì chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày tạo ra thông tin và 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã phải công khai thông tin.

Điều 17. Việc công khai trên hệ thống truyền thanh của chính quyền cấp xã

1. Những nội dung quy định tại các **khoản 1, 4, 5, 6, 7, 8 và 11 Điều 12 Luật** này được công khai trên hệ thống truyền thanh của cấp xã hoặc gửi trực tiếp đến nhân dân.

2. Chính quyền cấp xã có trách nhiệm công khai những nội dung quy định tại **khoản 1 Điều 12 của Luật** này chậm nhất là hai ngày, kể từ ngày văn bản được thông qua, ký ban hành đối với những việc thuộc thẩm quyền quyết định của chính quyền cấp xã hoặc kể từ ngày nhận được văn bản đối với những việc thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan nhà nước cấp trên.

3. Trường hợp công khai trên hệ thống truyền thanh của cấp xã thì thời hạn công khai là 03 ngày liên tục.

Điều 18. Việc công khai bằng hình thức niêm yết của chính quyền cấp xã

1. Chính quyền cấp xã có trách nhiệm niêm yết tại trụ sở Hội đồng nhân dân, trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, đăng tải trên trang thông tin điện tử, cổng thông tin điện tử của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã nội dung thông tin quy định tại **khoản 2, 3, 9 và khoản 10 Điều 11 của Luật** chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày văn bản được thông qua, ký ban hành đối với những việc thuộc thẩm quyền quyết định của chính quyền cấp xã hoặc 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đối với những việc thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan nhà nước cấp trên.

2. Thời gian niêm yết thông tin ít nhất là 30 ngày liên tục, kể từ ngày niêm yết; các nội dung quy định tại **khoản 2 và 9 Điều 11 của Luật này** phải được niêm yết thường xuyên.

Điều 19. Hình thức nhân dân thảo luận và quyết định trực tiếp

1. Nhân dân thảo luận và quyết định trực tiếp những nội dung quy định tại **Điều 9 của Luật này** bằng một trong các hình thức sau đây:

a) Tổ chức cuộc họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình theo địa bàn từng thôn, tổ dân phố;

b) Phát phiếu lấy ý kiến tới cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình.

2. Trường hợp tổ chức họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình thì việc biểu quyết được thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín; hình thức biểu quyết do hội nghị quyết định; nếu số người tán thành chưa đạt quá 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố hoặc trong toàn cấp xã thì tổ chức lại cuộc họp.

3. Trường hợp không tổ chức lại được cuộc họp thì phát phiếu lấy ý kiến tới cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình.

Điều 20. Cách thức tổ chức để nhân dân thảo luận và quyết định trực tiếp

1. Những nội dung quy định tại **Điều 12 của Luật này** khi đưa ra nhân dân bàn và quyết định trực tiếp, nếu có trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố hoặc trong toàn cấp xã tán thành thì có giá trị thi hành.

2. Nhân dân có trách nhiệm tham gia bàn và quyết định các công việc của thôn, tổ dân phố và của cấp xã theo quy định của pháp luật; chấp hành và thực hiện các quyết định đã có giá trị thi hành.

Điều 21. Các hình thức nhân dân tham gia ý kiến

1. Họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình theo địa bàn từng thôn, tổ dân phố.
2. Phát phiếu lấy ý kiến cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình.
3. Thông qua hòm thư góp ý.
4. Tổ chức lấy ý kiến đối với dự thảo văn bản.
5. Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Cách thức tổ chức thực hiện những nội dung nhân dân tham gia ý kiến

1. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm lập, thông qua kế hoạch để lấy ý kiến nhân dân về những nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của chính quyền cấp xã, trong đó nêu rõ cách thức triển khai, thời gian và trách nhiệm tổ chức thực hiện.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp tổ chức thực hiện kế hoạch đã được thông qua.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm chỉ đạo việc tổ chức lấy ý kiến, tổng hợp ý kiến của cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình; nghiên cứu tiếp thu ý kiến và thông báo với nhân dân về tiếp thu ý kiến của cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình.

4. Đối với những nội dung do cơ quan có thẩm quyền giao cho chính quyền cấp xã đưa ra lấy ý kiến nhân dân thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm lập, thông qua kế hoạch thực hiện, trong đó nêu rõ cách thức triển khai, thời gian và trách nhiệm tổ chức thực hiện; chỉ đạo tổ chức thực hiện, tổng hợp ý kiến và báo cáo với cơ quan có thẩm quyền về kết quả lấy ý kiến nhân dân trên địa bàn.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất của Hội đồng nhân dân về quá trình và kết quả thực hiện các nội dung đưa ra lấy ý kiến nhân dân.

Điều 23. Trách nhiệm giải trình, tổ chức đối thoại của cơ quan ban hành văn bản trong trường hợp ban hành quyết định hành chính bất lợi cho đối tượng thi hành; tổ chức lấy ý kiến nhân dân tại địa bàn xã trong trường hợp ban hành quyết định hành chính có liên quan đến lợi ích cộng đồng

1. Trong trường hợp ban hành quyết định hành chính bất lợi cho đối tượng thi hành, bên thứ ba, trừ quyết định hành chính có nội dung thuộc bí mật nhà nước, cơ quan ban hành quyết định hành chính cấp xã có trách nhiệm:

a) Tạo điều kiện cho đối tượng thi hành quyết định hành chính, bên thứ ba có ý kiến bằng văn bản hoặc được trình bày trực tiếp nếu người đó có yêu cầu.

b) Tạo điều kiện cho đối tượng thi hành quyết định hành chính, bên thứ ba, có ý kiến bằng văn bản có chữ ký của những người liên quan hoặc trình bày ý kiến trực tiếp của người đại diện được chỉ định đối với quyết định hành chính bất lợi đối với nhiều người.

c) Trường hợp cần thiết có thể tổ chức cuộc họp có sự tham gia của tổ chức, cá nhân liên quan trong trường hợp ban hành quyết định hành chính bất lợi đối với nhiều người.

Ý kiến của đối tượng thi hành quyết định hành chính, bên thứ ba phải được cơ quan ban hành quyết định hành chính tổng hợp, giải trình về việc nghiên cứu, tiếp thu ý kiến và gửi cùng với hồ sơ trình ký ban hành quyết định hành chính.

2. Trong trường hợp ban hành quyết định hành chính có liên quan đến lợi ích công cộng hoặc trước khi quyết định về những việc liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của công dân trên địa bàn cấp xã, chính quyền địa phương ban hành văn bản có trách nhiệm:

a) Căn cứ vào nội dung, phạm vi, mức độ ảnh hưởng của quyết định hành chính, cơ quan ban hành quyết định hành chính tổ chức lấy ý kiến người dân tại cộng đồng, trừ quyết định hành chính có nội dung thuộc bí mật nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về bí mật nhà nước.

b) Tổ chức lấy ý kiến thông qua các hình thức: phát phiếu điều tra, phỏng vấn, phiếu góp ý, tổ chức cuộc họp lấy ý kiến, thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc các hình thức khác phù hợp với đối tượng được lấy ý kiến.

c) Dành ít nhất 20 ngày để đăng tải dự thảo quyết định hành chính và các hồ sơ, tài liệu liên quan trên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan ban hành quyết định hành chính và niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã.

Hồ sơ, tài liệu phải nêu rõ căn cứ pháp lý, cơ sở thực tiễn, mục đích ban hành quyết định hành chính.

d) Tổng hợp, nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến tham vấn.

đ) Cung cấp các tài liệu cần thiết cho việc tổ chức lấy ý kiến nhân dân.

e) Tiếp thu ý kiến nhân dân về những nội dung đã đưa ra lấy ý kiến.

3. Trường hợp cơ quan ban hành văn bản quyết định các nội dung quy định tại **Điều 14** của Luật này khác với ý kiến của đa số thì phải nêu rõ lý do và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Điều 24. Các hình thức nhân dân thực hiện việc giám sát

1. Nhân dân thực hiện việc giám sát thông qua hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

Trình tự, thủ tục hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng được thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Nhân dân trực tiếp thực hiện việc giám sát thông qua quyền khiếu nại, tố cáo, kiến nghị với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc kiến nghị thông qua Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận cấp xã, Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

Trình tự, thủ tục khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của nhân dân được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc bảo đảm thực hiện quyền giám sát của nhân dân

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện quyền giám sát của nhân dân có trách nhiệm sau đây:

1. Cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin, tài liệu cần thiết cho Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

2. Xem xét, giải quyết và trả lời kịp thời các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân, kiến nghị của Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận cấp xã hoặc báo cáo với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình.

3. Xử lý người có hành vi cản trở hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng hoặc người có hành vi trả thù, trù dập công dân khiếu nại, tố cáo, kiến nghị theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV

TRÁCH NHIỆM BẢO ĐẢM THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ

Điều 26. Biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở

1. Bồi dưỡng nâng cao năng lực, chuyên môn, nghiệp vụ cho người được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện pháp luật về dân chủ ở cơ sở.
2. Nâng cao nhận thức cộng đồng về việc bảo đảm thực hiện quyền dân chủ ở cơ sở; tăng cường công tác truyền thông về thực hiện quyền dân chủ, phổ biến, giáo dục về thực hiện pháp luật dân chủ ở cơ sở.
3. Tăng cường việc đăng tải các thông tin của chính quyền cấp xã và các thông tin do chính quyền cấp xã nhận được trên Cổng thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã.
4. Tăng cường cung cấp thông tin của chính quyền cấp xã và các thông tin do chính quyền cấp xã nhận được trên các phương tiện thông tin đại chúng.
5. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học - kỹ thuật, trang bị phương tiện kỹ thuật và bảo đảm các điều kiện cần thiết khác cho việc công khai thông tin, cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân.

Điều 27. Trách nhiệm của các cán bộ, công chức cấp xã được giao nhiệm vụ về thực hiện dân chủ ở cơ sở

1. Công khai, cung cấp thông tin một cách kịp thời, chính xác, đầy đủ; trong trường hợp phát hiện thông tin đã cung cấp không chính xác hoặc không đầy đủ thì phải đính chính hoặc cung cấp bổ sung thông tin trong thời gian chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ khi phát hiện việc cung cấp thông tin là không chính xác, không đầy đủ.
2. Rà soát, kiểm tra để bảo đảm tính bí mật của thông tin trước khi công khai; loại bỏ các thông tin có trong hồ sơ, tài liệu thuộc thông tin công dân không được tiếp cận, thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 Luật Tiếp cận thông tin, trước khi công khai thông tin; bảo đảm bí mật hồ sơ theo quy định của pháp luật về bí mật nhà nước, không tiết lộ hoặc cung cấp các thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, bí mật kinh doanh của tổ chức, cá nhân khi chưa có sự đồng ý của tổ chức, cá nhân đó.
3. Hướng dẫn công dân trong việc tiếp cận thông tin để thực hiện các quyền dân chủ trực tiếp; giải thích, hướng dẫn cho công dân chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật trong quá trình công dân thực hiện các quyền dân chủ trực tiếp.

4. Có thái độ đúng mực, tôn trọng nhân dân, lắng nghe, tiếp nhận các kiến nghị, phản ánh, ghi chép đầy đủ, chính xác nội dung nhân dân kiến nghị, phản ánh trình bày, đóng góp ý kiến.

5. Báo cáo kịp thời cơ quan, người có thẩm quyền về những khó khăn, vướng mắc trong việc tổ chức thực hiện pháp luật về dân chủ ở cơ sở.

Điều 28. Trách nhiệm của Chính phủ, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong việc bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về thực hiện dân chủ ở cơ sở, thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện pháp luật về dân chủ ở cơ sở.

b) Hướng dẫn cơ quan, tổ chức, công dân trong việc thực hiện pháp luật về dân chủ ở cơ sở.

c) Thanh tra, kiểm tra việc thi hành pháp luật, xử lý vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

d) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Bộ Nội vụ giúp Chính phủ quản lý nhà nước về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ quy định tại Luật này.

3. Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm theo dõi chung việc thi hành Luật này và theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Điều 29. Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận cùng cấp trong việc tổ chức thực hiện dân chủ trên địa bàn cấp xã.

2. Hội đồng nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Ban hành nghị quyết về chủ trương thực hiện dân chủ trong phạm vi địa bàn cấp xã.

b) Quyết định các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ trong phạm vi địa bàn cấp xã.

c) Giám sát các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn xã trong việc tuân thủ các quy định của Luật ở địa phương và tuân thủ việc thực hiện nghị quyết của Hội

đồng nhân dân cấp xã về dân chủ ở cơ sở; giám sát việc tổ chức thực hiện các biện pháp do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức thực hiện pháp luật dân chủ ở cấp xã:

a) Thực hiện các biện pháp bảo đảm thi hành Luật quy định tại Điều 26 Luật này.

b) Xem xét, cân nhắc lợi ích của việc công khai thông tin để kịp thời công khai thông tin không bắt buộc phải công khai theo quy định tại Luật này nhằm bảo đảm lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng.

c) Ban hành và công bố công khai quy chế về thực hiện dân chủ ở cơ sở. Quy chế dân chủ ở cơ sở phải bảo đảm các nội dung chính sau đây: Nội dung các thông tin, hoạt động phải công khai; hình thức công khai thông tin; trách nhiệm tổ chức công khai thông tin; quyền và nghĩa vụ của cán bộ, công chức phụ trách việc công khai thông tin; các biện pháp bảo đảm cho việc thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế mẫu về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

d) Giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm về thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy định của pháp luật.

đ) Chủ động lập, cập nhật, công khai thông tin phải được công khai và đăng tải trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã; thường xuyên cập nhật và công khai thông tin phải công khai theo quy định của Luật này.

e) Duy trì, lưu giữ, cập nhật cơ sở dữ liệu thông tin phải công khai, bảo đảm thông tin có hệ thống, đầy đủ, toàn diện, kịp thời, dễ dàng tra cứu.

g) Thực hiện các biện pháp phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức về quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện pháp luật về dân chủ ở cơ sở.

Điều 30. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức triển khai các quy định của Luật này, tổ chức thi hành các biện pháp bảo đảm quyền thực hiện dân chủ trên địa bàn theo quy định tại Luật này.

Điều 31. Trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận ở cấp xã

1. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội có trách nhiệm thông tin, tuyên truyền, vận động, huy động sự tham gia của nhân dân vào việc thực hiện pháp luật dân chủ ở cơ sở; tăng cường tiếp xúc, lắng nghe ý kiến, phản ánh nguyện vọng của nhân dân về việc thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã có trách nhiệm giám sát việc thực hiện và tham gia tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện dân chủ ở cấp xã.

Điều 32. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các biện pháp thúc đẩy thi hành Luật

1. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo các cơ quan thông tin, truyền thông thực hiện hoạt động thông tin, truyền thông về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Chính quyền cấp xã có trách nhiệm tăng cường cơ chế đối thoại với nhân dân; chủ động công khai thông tin nhằm tăng cường trách nhiệm giải trình, bảo đảm minh bạch hoạt động của chính quyền.

3. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tổ chức truyền thông, phổ biến, giáo dục về thực hiện pháp luật dân chủ ở cơ sở; thực hiện các biện pháp thúc đẩy thực thi Luật này.

Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm quản lý nhà nước trên địa bàn, thi hành các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy định của Luật này.

**CHƯƠNG V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 33. Điều khoản áp dụng

1. Khuyến khích các cơ quan, tổ chức không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này ban hành Quy chế thực hiện dân chủ tại nơi làm việc của cơ quan, tổ chức.

2. Việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ tại nơi làm việc của cơ quan, tổ chức không được trái với các nguyên tắc quy định tại Điều 3 của Luật này.

Điều 34. Điều khoản chuyển tiếp

Trong thời gian 6 tháng kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm sửa đổi, bổ sung Quy chế về dân chủ ở cơ sở của chính quyền cấp xã phù hợp với các quy định tại Luật này.

Điều 35. Quy định chi tiết thi hành

Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định chi tiết và hướng dẫn các điều, khoản được giao trong Luật.

Điều 36. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày ...tháng ... năm 2023.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa ..., kỳ họp thứ ...thông qua ngày ... tháng ... năm